

# ***Nhận định về văn hóa Việt Nam***

*Bài phỏng vấn GS Nguyễn Đăng Trúc do Lê Hải thực hiện*

**Lê Hải :**

*Với tôi thì điểm đặc biệt của Công giáo Việt Nam thể hiện qua chuyến hành hương của cha Bartholomé Ruis (năm 1586) và cha Ordonnez de Cevallos (năm 1591) về hai xứ đạo mà nay được coi là gốc của Công giáo Việt Nam là Bùi Chu và Phát Diệm, và qua việc Công Đồng Vaticanô II cho phép thờ cúng cha mẹ ông bà, vốn là một hình thức tôn giáo sơ khai ở Việt Nam. Nhà thờ ở Lê Nê (Bắc Giang) cũng có nơi thờ hậu giống như kiến trúc của đền chùa cổ truyền. Và nhà thờ cũng là nơi đem vào Việt Nam rất nhiều yếu tố hiện đại để xây dựng dân tộc quốc gia, như những "tiếng chuông nhà thờ rung" đem nhạc lý đến cho Văn Cao - tác giả của bài quốc ca hiện nay của Việt Nam - và nhiều nhạc sĩ khác trong thế hệ đầu tiên của dòng tân nhạc Việt Nam [chủ thích sách của Phạm Duy], hay hệ thống mỹ học Tây phương qua những bức tranh Thánh. Nhờ có những người đi tu như Petrus Trương Vĩnh Ký mà Việt Nam có được một thế hệ tri thức, và cả những sản vật như sầu riêng, chôm chôm, măng cụt được họ mang về. GS Benedict Anderson (chủ thích) từng nhắc đến một ngôn ngữ tâm linh (tiếng La-tinh) và thành tựu in ấn giúp hình thành bản sắc dân tộc. Vậy thì theo anh, "Định Hướng"<sup>1</sup> cho bản sắc Việt Nam, cho tương lai nước Việt sẽ là như thế nào nhìn từ góc độ của một trí thức Công giáo như anh, và cũng là một thành viên chủ động trong cộng đồng giáo dân Công giáo Việt Nam.*

**Nguyễn Đăng Trúc :**

Ở phần đầu, anh Hải nói lên một số nhận xét của anh về ảnh hưởng văn hóa của cộng đồng Công giáo Việt Nam trên đất nước mình ; nhân dịp anh Hải cũng nói đến quan điểm của Giáo Hội Công giáo (đặc biệt là Công Đồng Vaticanô II) về việc « thờ cúng cha mẹ ông bà », một sinh hoạt văn hóa truyền thống của người dân Việt Nam ; anh còn nhắc đến những đóng góp và ảnh hưởng của một số nhân vật, một số sinh hoạt trong cộng đồng người Công giáo VN trên cuộc sống của người dân nói chung.

Về phát biểu này của anh Hải, một phần có liên quan đến lịch sử, một phần là những nhận xét riêng của anh Hải về sự hiện diện của cộng đồng người Công giáo trong sinh hoạt văn hóa và xã hội VN.

Tôi không phải là một nhà nghiên cứu lịch sử nói chung cũng như lịch sử Giáo hội Công giáo và cũng không phải là chuyên gia về lịch sử Giáo hội Công giáo VN, nên không thể đi sâu vào lãnh vực này. Nhưng chuyến đi của hai linh mục tiên phong đến miền Bắc VN vào cuối thế kỷ 16 xem ra không liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển hai Giáo phận Bùi Chu và Phát Diệm sau này.

Còn nhận xét riêng của anh Hải về sự đóng góp của cộng đồng và cá nhân người Công giáo vào sinh hoạt văn hóa và xã hội VN, hy vọng rằng những người viết lịch sử một cách khách quan cũng ghi nhận như thế. Tuy nhiên phần đóng góp của người Công giáo vào cuộc sống dân tộc không phải chỉ có chừng đó; và cũng không thể ngây thơ cho rằng những người Công giáo VN toàn là những siêu nhân, nếp sống của họ hoàn toàn chỉ có

---

<sup>1</sup> GS Nguyễn Đăng Trúc cũng là Chủ biên tạp chí nghiên cứu Định Hướng và Giám đốc Trung tâm Nguyễn Trường Tộ

phần tích cực ; hơn nữa còn phải lưu ý đến việc cảm nhận hay những phê phán của người VN không Công giáo đối với tôn giáo này cũng như đối với người « có đạo » : những nhận xét của họ khi thì rất khách quan, nhưng nhiều lúc cũng rất chủ quan và giới hạn phát xuất từ những định kiến chính trị hoặc từ những tị hiềm hết sức bình thường của con người trước những gì không phải là mình và của mình...

\*\*\*

Trước khi tiếp tục phát biểu về "định hướng" cho bản sắc Việt Nam, cho tương lai văn hóa nước Việt theo đề nghị của anh Hải, tôi xin dừng lại một chút để nói đến tiền kiến tiêu cực về nội dung cụm từ « văn hóa dân tộc VN ». Tôi gọi là tiền kiến vì nhiều người nêu lên nội dung này làm như văn hóa dân tộc VN chỉ là một thực thể thuần khiết, lý tưởng, bất biến, có từ muôn đời, ở bên ngoài thời gian và không gian.

Kỳ thực « văn hóa dân tộc VN » có một cấu trúc gồm hai phần gắn liền với nhau.

Một mặt nó xây dựng trên nền tảng bất biến là Chân Thiện Mỹ (qua hình ảnh Lạc Long Quân) làm nên cấu trúc căn nguyên của nhân tính vốn không do lịch sử và bàn tay con người làm ra và quyết định; chính nền tảng đó là hồn sống, là cương thường (như Vũ Quỳnh đã nhắc đến trong lời tựa cuốn *Lĩnh Nam Chích Quái*) cho sinh hoạt của bất cứ cộng đồng nào cộng đồng nào của nhân loại, trong đó cộng đồng dân tộc VN. Chính vì xác tín được cương thường chung của toàn nhân loại (một nhân tính chung cho mọi người bất cứ ở đâu và bất cứ thời đại nào, trong bất cứ hoàn cảnh nào) mà mỗi nền văn hóa, trong đó có « văn hóa dân tộc VN », không những biện minh cho TÍNH văn hóa của mình, mà còn có thể nhìn nhận, tiếp thu, trao đổi, hội nhập giá trị của các nền văn hóa của nhân loại.

Nhưng mặt khác, cũng như bất kỳ một nền văn hóa nào, « văn hóa dân tộc VN » phải được khai sinh và còn phải được triển nở, trước hết qua lịch sử của cộng đồng với những tài năng, sáng kiến và công trình cá biệt, tiếp đến là qua những dòng trao đổi, hội nhập sinh động và liên tục với các nền văn hóa khác.

Như vậy, nói theo ngôn ngữ kinh điển, chính hai yếu bất khả phân ly - phần *thể* (nền tảng nhân tính chung) và phần *dụng* (sinh hoạt cộng đồng xuyên qua lịch sử) - làm nên căn tính của một nền văn hóa.

Nhưng cần lưu ý rằng lịch sử thì luôn sinh động và đang và sẽ diễn tiến. Do đó khó mà nói rằng một vài tập tục hay hình thức biểu lộ nào đó trong một thời kỳ quá khứ nhất định lại là khuôn vàng thước ngọc cho văn hóa dân tộc. Trong « văn hóa dân tộc VN » có thể có những sinh hoạt thời trông đồng, thời cha ông mang khăn đóng áo dài... nhưng những hình thức đó không thiết định được bản sắc cho toàn bộ văn hóa dân tộc VN.

[Trong một kỳ Đại Học Hè Hải Ngoại dành cho chuyên viên và sinh viên trong thập niên 90, do Trung Tâm Nguyễn-Trường-Tộ tổ chức, khi nói đến phương cách biểu lộ « văn hóa dân tộc VN », nhiều thành viên tham dự nhắc đến lối y phục khăn đóng áo dài. Một giáo sư nói đùa một cách ý nhị: Tại sao không đề nghị lối y phục mang khổ vào thời « Hùng Vương » ! Không phải làm như thế sẽ vừa xa xưa vừa chưa pha chế với Tây Tàu hay sao ?

Đây, tuy chỉ là câu nói quá đáng, trên một bình diện nào đó, nhưng giúp người nghe ý thức được căn tính thật sự của « văn hóa dân tộc VN », vốn vượt lên bên trên và bên ngoài những biểu lộ giới hạn như thế.]

Để dẫn chứng về việc định nghĩa cấu trúc văn hóa nói chung của một cộng đồng nào bất kỳ (trong đó có cộng đồng người Việt chúng ta) mà tôi đã sơ phác như trên, tôi xin đưa ra ba đoạn văn của các tác giả VN đã mặc nhiên đề cập đến văn hóa, những tác giả mà cộng đồng người Việt chúng ta xem là đáng tin cậy trong lãnh vực này :

- Bản văn Họ Hồng Bàng trong *Lĩnh Nam Chích Quái* của Vũ Quỳnh (thế kỷ 15-16) ;
- Truyện Kiều của Nguyễn Du ;

- Phàn lệ cuốn *Không Học Dãng* của Phan Bội Châu (thế kỷ 20).

- Bản văn Truyện Họ Hồng Bàng của *Lĩnh Nam Chích Quái* được chia làm hai phần : Phần *thể* và phần *dụng*.

Phần *thể* ở phần đầu, được viết xuyên qua những hình ảnh của huyền thoại, nhằm gợi lên những cấu trúc siêu nhiên ghi sâu trong lòng người, vượt thời gian, không gian, làm *nên cho nhân tính*. Vũ Quỳnh gọi tên phần thể này là CƯƠNG THƯỜNG ; trong bài tựa cuốn *Lĩnh Nam Chích Quái*, tác giả viết :

*Than-ôi! Lĩnh-Nam có nhiều kỳ-trọng, các truyện làm ra không cần phải chạm vào đá, khắc vào ván mà **rõ-ràng ở lòng người**, bia truyền ở miệng người, ông già, con trẻ thấy đều thông-suốt, đem lòng ái-mộ, khuyên răn nhau, thời việc có **hệ ở cương-thường**, quan ở phong-tục, há có phải ít bổ-ích đâu?*

Phần thứ hai là phần *dụng* với những tên gọi có nét lịch sử và địa lý nhất định, những phong tục tập quán cá biệt của một cộng đồng dân tộc.

Văn hóa được mặc nhiên định nghĩa như là một sự nối kết bất phân ly giữa *thể* và *dụng*, trời và đất :

*Bây giờ phải ly-biệt, ta đem năm mươi trai về Thủy-phủ phân-trị các xứ, năm mươi trai theo nàng ở trên đất, chia nước mà cai-trị, dù lên núi xuống nước nhưng có việc thì **cùng nghe, không được bỏ nhau**.* (Trích Truyện Họ Hồng Bàng của *Lĩnh Nam Chích Quái*)

Cũng nơi bản văn này, bản văn mà tôi đánh giá như là *một* « Sách Sáng Thế » của văn hóa VN, chúng ta chứng kiến trước hết trực giác của tổ tiên về nền tảng về nhân tính, tiếp đó là tài năng sáng tác độc đáo về mặt văn chương với những cảm xúc tâm lý, những hình ảnh liên hệ đến khung cảnh địa lý, sinh hoạt kinh tế xã hội... . Nhưng bên cạnh đó, bản văn có vô số những hình ảnh, điển tích của hai nền văn hóa lớn trong vùng (văn hóa Ấn Độ và văn hóa Trung Hoa). Một cách mặc nhiên, tác giả Vũ Quỳnh cho rằng việc « hội nhập » này không phi bác bất cứ điểm nào về bản sắc « văn hóa dân tộc VN » của bản văn, trái lại nó phản ánh tinh thần vô chấp và khai phóng của nền văn hóa chúng ta. Thực vậy, Trong truyện *Bạch Trĩ* của cùng cuốn sách này<sup>2</sup>, Vũ Quỳnh ghi lại cuộc đối thoại có tính cách huyền thoại và tượng trưng giữa Chu Công (là vị thầy của Khổng Tử) với sứ giả nước ta, để biện minh cho giá trị « văn hóa dân tộc VN » của cuốn *Lĩnh Nam Chích Quái* :

*Chu-Công hỏi :*

*- Vì sao mà đến đây ?*

*Sứ-giả thưa :*

---

<sup>2</sup> Xem Nguyễn Đăng Trúc, *Văn Hiến, nền tảng của minh triết*, Định Hướng xb, Reichstett, 1997, Chương VIII : Tinh thần kiểm thảo vô chấp và tinh thần khai phóng của minh triết.

- Trời không gió lớn mưa dầm, biển không nổi sóng nay đã ba năm, ngỡ là Trung-quốc có **thánh-nhân** nên mới sang đây. (Trích Truyện Bạch Trĩ của Lĩnh Nam Chích Quái)

*Thánh nhân*, con người đặc biệt đó là người *chu toàn nghĩa làm người* vốn vượt biên giới chủng tộc, lịch sử...

Đến gặp gỡ *thánh nhân* ở phương bắc, phương đông hay phương tây..., *thánh nhân* thời xưa hay thời bây giờ... học hỏi, hội nhập và thực thi các giá trị cao cả làm cho con người thành *thánh*, đó không phải là nhìn nhận niềm tin vào nền tảng cao siêu và bất biến của nhân tính của bất cứ ai là người hay sao? Đó không phải là xác tín mối tương giao nhân loại và tinh thần liên đới, đồng trách nhiệm cùng nhau hoàn thành nhân tính hay sao? Đó không phải là thực thi đạo lý căn nguyên « *tứ hải giai huynh đệ*, trăm con trên trái đất này cùng sinh ra từ một bào thai chung » hay sao?

- Nguyễn Du<sup>3</sup> là một nhà văn hóa dân tộc, khi truyện Kiều của thi hào đã đẩy lên nơi tâm thức của người Việt qua nhiều thế hệ một nguồn *cảm hứng thi ca*<sup>4</sup>. Nhưng phải chăng truyện Kiều ấy được tiếp nhận là một gia sản văn hóa dân tộc chỉ vì nó phản ánh tài *làm thơ* mô tả sâu sắc cảnh tình cảm nam nữ lứa đôi, hoặc tài *viết truyện* ghi lại đầy đủ nhưng sinh hoạt kinh tế, xã hội của cộng đồng người Việt vào đầu thế kỷ 19? Hoặc phải chăng vì truyện Kiều của Nguyễn Du chỉ là một bản phỏng dịch từ một truyện Tàu qua tiếng Việt<sup>5</sup> mà nay cần xét lại giá trị văn hóa và *bản sắc dân tộc* của bản văn? Cách này hay cách khác, không thiếu những nhà phê bình văn học đã đánh giá truyện Kiều của Nguyễn Du xuyên qua những chuẩn mực đại loại như thế.

Nhưng bên trên và bên ngoài những khen chê của các trào lưu văn học, đặc biệt trong thế kỷ 20 và những năm tháng gần đây, lời thơ của truyện Kiều luôn là nguồn cảm hứng của bất cứ tầng lớp nào trong cộng đồng người Việt: là lời ru con, là châm ngôn trong câu truyện hằng ngày, cũng là dấu tích lời thần thánh để bói toán, hoặc là lời diễn đạt minh triết... Như thế, sự kiện cộng đồng người Việt tiếp nhận truyện Kiều của Nguyễn Du như là một gia sản văn hóa không phải vì, xuyên qua bản văn ấy, cộng đồng người Việt tiếp cận được Đại Ký Ưc của dân tộc mình, luôn nhớ cương thường làm nên cuộc sống văn hóa của mình và cố gắng áp dụng vào bất cứ sinh hoạt nào của mình hay sao? Không phải Kiều của Nguyễn Du cũng như Âu Cơ của Vũ Quỳnh đã cuu mang được Đại Ký Ưc của dân tộc, đã trực giác được nghĩa của cuộc sống làm người (*trăm năm trong cõi người ta*), vừa bị trói buộc của Tài (kiếp hồng nhan = nghiệp phải bị ràng buộc với Đế Lai qua hình ảnh Sở Khanh, Thúc Sinh, Từ Hải), vừa áp ủ hy vọng cứu độ của Mệnh (lãng

---

<sup>3</sup> Xin đọc Nguyễn Đăng Trúc, *Kiều của NGUYỄN DU (1766-1820), một gia sản văn hóa nhân loại*, Tập San Định Hướng.

<sup>4</sup> Về *cảm hứng thi ca*, Socrate đã mô tả như sau: « Không phải do tài năng nào của mình mà các thi sĩ làm thơ, nhưng là do cảm hứng từ một quyền năng của Thần. Vì nếu dựa vào một tài năng trình bày lưu loát như người ta thường làm được trong các bộ môn nào đó, thì phải chăng thi ca cũng chỉ là một bộ môn nào bất kỳ hay sao! Bởi vậy, Thần đã xóa hết tài năng lý trí con người để dùng họ làm thi sĩ, cho họ nhập Thần và trở nên những tiên tri của Trời. Nhờ thế khi nghe lời thơ của các thi sĩ, thì chúng ta hiểu được rằng không phải do chính tài năng họ mà họ có được những giá trị cao cả, bởi lẽ lúc ấy họ đã bị tước hết tài trí của mình rồi; nhưng chính Thần nói, Thần chuyển lời của Thần đến với chúng ta qua trung gian các thi sĩ! » (PLATON, *Ion*. 534 c-d; 534 e..).

<sup>5</sup> Xem Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn học sử yếu*, tr. 378: "Khi ta so sánh nguyên văn quyển Kim Vân Kiều truyện này (do tác giả hiệu là Thanh tâm tài nhân) với nguyên văn truyện Kiều của Nguyễn Du thì ta thấy rằng đại cương tình tiết hai quyển giống nhau: các việc chính, các vai nói đến trong truyện Kiều đều có cả trong cuốn tiểu thuyết Tàu".

nghe lời Đạm Tiên, gắn bó với Giác Duyên = tương giao gắn bó với Lạc Long Quân, hoặc đêm ngày *NHỚ* Long Quân) hay sao ? Không phải chính vì **trực giác và diễn tả được nghĩa của nhân tính của mọi người trong mọi thời đại** như thế mà nhà văn hóa của dân tộc Việt Nam Nguyễn Du cũng được các dân tộc khác trên thế giới chân nhận là *nhà văn hóa*, là *người hiền* của nhân loại hay sao<sup>6</sup> ?

- Trong phạm lậ giới thiệu về cuốn *Khổng Học Đẳng*, Sào Nam Phan Bội Châu viết:

*"Cái danh từ học cũ chẳng phải là cái đồ để đánh cắp áo mũ cân đai đâu? Cái danh từ học mới chẳng phải là cái mồi để hốt gạt mẻ đày kim-khánh đâu...!"*

*Hễ ai đọc bản sách này, trước phải lập định một cái chí khí tự nhiên rằng: "Ta là Khổng Tử, ta là Mạnh Tử, ta là Bá Lạp Đồ (Platon), ta là Khang Đức (Emmanuel Kant), chẳng qua đời tuy có xưa nay, đất tuy có đông tây, mà tâm lý in như nhau, thánh hiền tức là ta, ta tức là thánh hiền; ta chỉ là người hậu tiến của cổ nhân mà thôi. Có chí khí ấy thời đọc quyển sách này mới thích.*

*Nếu ai chưa đọc sách này mà trước đã có một ý kiến sẵn: định làm nô lệ cho người đời xưa, hay định làm nô lệ cho người đời nay thời xin chớ đọc.*

(... )

*Mục đích người làm bản sách này là cốt phù trì nhân đạo; nếu ai không để lòng vào nhân đạo thời xin chớ đọc"<sup>7</sup>.*

Cũng như Vũ Quỳnh và Nguyễn Du, Phan Bội Châu chân nhận nền tảng văn hóa là **nhân đạo**, là *ương thường* hay *thể* chung cho mọi người, mọi nơi mọi lúc ; nhưng *nhân đạo* đó được khai sinh, được diễn tả, được thực thi do những con người, những cộng đồng khác nhau trong những thời đại khác nhau; cũng vì thế nhìn bên ngoài (qua cách diễn tả và qua lịch sử) lại có những nền văn hóa khác nhau, những **học cũ, học mới**.

Cũng như Vũ Quỳnh và Nguyễn Du, Phan Bội Châu cho rằng tinh hoa của văn hóa được curu mang bởi hình ảnh của *thánh hiền*<sup>8</sup> là di sản chung của nhân loại : *thánh hiền tức là ta, ta tức là thánh hiền*, vì đằng sau những **học cũ, học mới** của các vị là **nhân đạo** chung của mọi người trong đó có *ta*.

Nhưng truyền thống dân tộc gắn liền nội dung của sinh hoạt văn hóa với *thánh nhân, thánh hiền, đạo làm người* đã hực hơi kể từ những đổi thay của xã hội Việt Nam vào giữa tiền bán thế kỷ 20. Cuộc tranh cãi về *học cũ - học mới* như Phan-Bội-Châu đã nói đến, những

<sup>6</sup> Xem Karl JASPERS, *Les grands philosophes*, tome 1, trad. C. Floquet et autres, Plon, Paris, 1989, tr.36 : « *Vĩ nhân không chỉ là người nắm bắt thời đại bằng tư duy của mình, mà còn giúp con người nơi cõi này đừng chạm đến vô tận. Vì thế tự căn nét siêu việt trong tác phẩm và nơi cuộc sống người ấy cống hiển một tấm gương soi dẫn mọi thời đại, mỗi một người trong toàn thể nhân loại.* ».

<sup>7</sup> Sào Nam Phan Bội Châu, *Khổng Học Đẳng*, Khai Trí, Sài Gòn xb, 1973, Phàm Lệ (1929).

<sup>8</sup> Vũ Quỳnh gọi là *thánh nhân*, Nguyễn Du diễn tả qua hình ảnh *Kiều đã chết nghiệp hay kiếp hồng nhan bị không chế bởi Tài để trở thành Kiều được Giác Duyên (Tâm) cứu thoát đúng với Mệnh của mình*.

ngiên cứu rất có giá trị về cô học và nhân chủng học ... của Trường Viễn Đông Bác Cổ, những trào lưu canh tân xã hội v.v., tất cả vốn là những sinh hoạt bên ngoài của văn hóa, đã bị đồng hóa là toàn bộ sinh hoạt văn hóa. Từ đó, TÍNH hay *hồn* của văn hóa như bị lãng quên. Trước hiện tượng đứt đoạn đó của truyền thống văn hóa dân tộc, Phan-Bội-Châu đã mạnh mẽ lên tiếng cảnh giác như ta đọc thấy trong mấy hàng trích từ *Phạm Lệ* cuốn *Không Học Đấng*; tác giả Lê-Văn-Siêu trong cuốn *Việt Nam Văn Minh Sử Cương* còn nói rõ hơn : “*chỉ lưu ý tới phần xác của nó lắm khi khô khan và trơ trẽn*”<sup>9</sup>. Trong một bối cảnh như thế, cuốn *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương* của Đào-Duy-Anh được cho xuất bản. Ngay chương đầu, tác giả đi ngay vào định nghĩa thế nào là văn hóa. Tôi nhắc đến cuốn sách này và định nghĩa này về văn hóa vì các tác giả nghiên cứu sinh hoạt văn học Việt Nam từ gần một thế kỷ qua thường trích dẫn chúng như một tài liệu cổ điển có giá trị đối chiếu. Cuốn sách xuất bản sau cuốn *Không Học Đấng* của Phan-Bội-Châu chưa đến mười năm, nhưng nội dung định nghĩa văn hóa của đôi đường hoàn toàn cách biệt.

Theo Đào-Duy-Anh:

*Người ta cho rằng văn hóa chỉ là những học thuật tư tưởng của loài người, nhân thế mà xem văn hóa có tính chất cao thượng đặc biệt. Thực ra không phải như vậy. Học thuật tư tưởng cố nhiên là ở trong phạm vi của văn hóa nhưng phạm sự sinh hoạt về kinh tế, về chính trị, về xã hội cùng hết thảy các phong tục tập quán tầm thường lại không phải là ở trong phạm vi văn hóa hay sao? Hai tiếng văn hóa chẳng qua là chỉ chung tất cả các phương diện sinh hoạt của loài người cho nên ta có thể nói rằng : **Văn hóa tức là sinh hoạt.***

*Văn hóa đã tức là sinh hoạt thì không kể là dân tộc văn minh hay dã man đều có văn hóa riêng của mình, chỉ khác nhau về trình độ cao thấp mà thôi. Ví dụ văn hóa của các dân tộc Âu Mỹ thì cao, mà văn hóa của các dân tộc mọi rợ Phi châu, Úc châu cùng các giống người Mường, Mán Mọi ở nước ta thì thấp.*

*Vì lẽ gì văn hóa của các dân tộc khác nhau như thế? Vì rằng các sinh hoạt của các dân tộc không giống nhau. Chính vì những điều kiện tự nhiên về địa lý khiến mỗi dân tộc sinh hoạt ở trên cơ sở kinh tế khác nhau, cho nên cách sinh hoạt cũng thành khác nhau vậy. Bởi thế muốn nghiên cứu văn hóa của một dân tộc, trước hết phải xét xem dân tộc ấy sinh trưởng ở trong những điều kiện địa lý thế nào.*

*Các điều kiện địa lý có ảnh hưởng lớn đối với cách sinh hoạt của người ta, song người là giống hoạt động cho nên trở lại cũng có thể dùng sức mình mà xử trí và biến chuyển những điều kiện ấy cho thích với những điều cần thiết của mình. Cách sinh hoạt vì thế mà cũng biến chuyển và khiến văn hóa cũng biến chuyển theo (...)*<sup>10</sup>

Trước hết Đào-Duy-Anh có công khi phân biệt một hình thái sinh hoạt văn hóa là học thuật tư tưởng với nội dung văn hóa nói chung. Trong quan điểm hội hợ của quần chúng, nhất là vào một thời có tranh cãi về *học cũ- học mới* để có thêm kiến thức làm việc này việc nọ, nhất là để làm quan, làm giàu như Phan-Bội-Châu từng nêu lên, thì việc phân biệt như thế rất có giá trị.

Nhưng theo truyền thống văn hóa của cộng đồng người Việt mà Vũ Quỳnh, Nguyễn Du, Phan Bội Châu trước đó phản ảnh, một truyền thống chân nhận *thánh nhân, thánh hiền* là nguyên tượng của văn hóa, thì đâu có hiện tượng xếp văn hóa trong khuôn khổ giới hạn của học thuật tư tưởng. Không phải Vũ Quỳnh<sup>11</sup> từng định nghĩa văn hiến là cương thường

<sup>9</sup> Lê Văn Siêu, *Việt Nam Văn Minh Sử Cương*, Nhóm Khởi Hành, Đức Quốc, tái bản 1990, tr. 23.

<sup>10</sup> Đào Duy Anh, *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương*, xb Quan Hải Tùng Thư, Huế, 1938, tr.13.

<sup>11</sup> Xem lại Lời tựa cuốn *Lĩnh Nam Chích Quái* trích ở phần trên.

phát xuất từ tâm con người làm giềng mối cho bất cứ sinh hoạt nào của cuộc sống con người hay sao ? Trong tâm thức người Việt Nam, ngữ nghĩa của từ *thánh nhân*, *thánh hiền* không nhằm nói đến người có nhiều kiến thức, những người lập thuyết hay biện luận giỏi, nhưng gợi lên hình ảnh *người tuân thủ đạo làm người* trong bất cứ sinh hoạt nào của mình. Như thế các bậc tiền bối và Đào-Duy-Anh đều có chung quan điểm không cho rằng văn hóa chỉ là học thuật được hiểu là các lý thuyết, các loại kiến thức và kỹ năng... mà là toàn bộ sinh hoạt của con người.

Nhưng trong phần tiếp của đoạn văn nhằm giải minh đâu là *nền*, là *thể* làm cho sinh hoạt con người mang TÍNH văn hóa, và do đâu có sự khác biệt của các nền văn hóa, thì rõ ràng quan điểm của Đào-Duy-Anh đã tự tách ra khỏi truyền thống dân tộc và tâm thức sâu kín của người Việt mà văn học bình dân cũng như các tác phẩm văn chương của các hiền nhân tiền bối phản ảnh. Mẫu người văn hóa của Đào-Duy-Anh không còn là *thánh nhân*, *hiền nhân*, *người tuân giữ Đạo Làm Người* (= nhân đạo) qua mỗi tương giao "*linh ư vạn vật*" mà mỗi tình Âu-Cơ và Lạc-Long-Quân gợi lên và qua mỗi tương giao huynh đệ "*trăm con cùng chung một bào thai*"; mẫu người văn hóa mới không còn là kẻ "*trọng nghĩa khinh tài*", cũng không còn là *người chiến sĩ của cuộc chiến giữa Tài và Mệnh, giữa Tài và Tâm*, nhưng là *con người kinh tế* đấu tranh với thiên nhiên địa lý để kiếm ăn và đấu tranh kinh tế với đồng loại để sống còn. Con người văn hóa và các nền văn hóa nay được định chuẩn qua cuộc chiến chế ngự thiên nhiên và tranh chấp giữa người với người về kinh tế. Họ sẽ được xếp loại cao thấp qua kết quả thành công hay thất bại theo thước đo mà các thánh hiền Trung Hoa và Hy Lạp gọi là *Đạc Điền* (= Đo đất) hoặc *Géométrie*, còn văn hóa truyền thống Việt Nam gọi là *tương quan Âu-Cơ và Đế Lai* (= con người thuần kinh tế đi tìm, chiếm giữ và hưởng thụ của cải riêng cho mình). Với thước đo văn hóa dựa trên việc chinh phục và khai thác thiên nhiên (địa lý) như thế, Đào-Duy-Anh đã đánh giá *văn hóa của các dân tộc Âu Mỹ thì cao, mà văn hóa của các dân tộc mọi rợ Phi châu, Úc châu cùng các giống người Mường, Mán Mọi ở nước ta thì thấp*.

(Không biết có phải vì cuốn sách của Đào-Duy-Anh là một trong những cuốn sách đầu tiên trong văn học Việt Nam (?) minh nhiên nêu lên hai chữ văn hóa và được trình bày có hệ thống, hoặc còn do nhiều lý do khác nữa, mà nhiều sách nghiên cứu văn hóa về sau thường nêu định nghĩa từ cuốn sách này như một tiền đề mặc nhiên. Và sự kiện đó không phải là chuyện đương nhiên của giới nghiên cứu văn hóa chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa duy vật, duy vật biện chứng... nhưng điều đáng ngạc nhiên là ngay cả những người không cùng quan điểm nếu không nói là phi bác chủ nghĩa này thì cũng trích dẫn Đào-Duy-Anh như một đề nghị tích cực.)

Phải chăng việc bứng gốc *căn tính* của văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam nằm trong một bối cảnh lịch sử xã hội quá đặc biệt vào tiền bán thế kỷ 20 ? Trong cách nhìn sinh hoạt văn hóa *thuần túy* dựa trên bối cảnh xã hội, kinh tế, chính trị ... mà Đào-Duy-Anh đã gợi lên một cách khá đầy đủ, có thể đưa ra giả thuyết rằng sự rút lui của *căn tính* của văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam, trước hết là do chính hoàn cảnh lịch sử xã hội riêng của cộng đồng Việt Nam lúc bấy giờ. Khi phải chung đụng với một cường quốc thực dân Tây phương vốn tự tôn vinh họ là một dân tộc có văn hóa cao, tâm thức và sinh hoạt văn hóa của người dân mình, đặc biệt là giới có trách nhiệm, vì tư ái dân tộc, đã có những phản ứng hoặc tự tôn hoặc tự ti để rồi chủ trương *bảo thủ lối cũ của cha ông hay canh tân theo nếp sinh hoạt Tây phương*; điều mà Phan-Bội-Châu gọi là *học cũ và học mới*. Tiếp đó cũng phải lưu ý thêm về ảnh hưởng của trào lưu của Thời Đại Tân Kỳ (*Les Temps Modernes*) khai sinh và phát triển trong xã hội Tây phương vào hậu thế kỷ 19 và phổ biến trên thế giới vào tiền thế kỷ 20... Những nhà nghiên cứu có thể còn đưa ra nhiều dữ kiện khác nữa để dẫn chứng và biện minh cho sự đổi thay này. Nhưng tất cả những nghiên cứu đó đều đặt nền tảng trên một *tiền kiến về căn tính của văn hóa* đại loại như Đào-Duy-Anh đã

diễn tả. Nói cách khác, nếu dùng lối nói của Phan-Bội-Châu thì những nghiên cứu, những tranh luận liên quan đến sự đổi thay “*cái học cũ, cái học mới*” vốn đã quên lãng căn tính của văn hóa, căn tính được Phan tiên sinh gọi là *nhân đạo*.

Theo Phan tiên sinh, **sự đổi thay này không phải là một đổi thay về hình thái, về phương cách biểu lộ hay phần dụng của *nhân đạo* tùy thuộc vào hoàn cảnh tâm lý, xã hội, địa lý chính trị... nhưng là sự lãng quên hay đúng hơn là đánh mất *hồn* hay *căn tính* của văn hóa, đó là *nhân đạo*.**

Vào thế kỷ 15 và 16, Vũ Quỳnh trong *Lĩnh Nam Chích Quái* thì ví sự đổi thay này như việc Âu-Cơ quay lại với Đê Lai ở Phương Bắc và quên đi mối tương giao với Lạc Long Quân là cha của 100 người con nhân loại. Văn hóa lúc bấy giờ không còn là tương giao với Lạc Long Quân ẩn kín mà hiện thân là Âu-Cơ, người Mẹ nuôi dưỡng đàn con bằng *sữa NHỚ* của mình trong bất cứ sinh hoạt nào của cuộc sống (*xem phần hai của truyện Họ Hồng Bàng*). Rõ nét hơn nữa, trong truyện *Bạch Trĩ*, qua lời đối đáp của *sứ-giả* của Hùng-Vương với Chu-Công, Vũ Quỳnh nhắc nhở rằng *căn tính của văn hóa* hay *đạo làm người* mà hình ảnh tượng trưng là *thánh nhân* vượt lên trên những hình thái bên ngoài của sinh hoạt xã hội, chính trị, kinh tế... :

*Thời Thành-Vương nhà Chu, Hùng-Vương sai sứ-thần đem qua dâng cho nhà Chu giồng chim bạch-trĩ, nhưng ngôn-ngữ bất-thông. Chu-Công sai người dịch lại mới hiểu.*

*Chu-Công hỏi rằng :*

*- Người Giao-Chỉ cắt tóc, vẽ hình, để đầu trần, ngón chân cong, là tại làm sao ?*

*Sứ-giả thưa rằng :*

*- Cắt tóc để tiện vào rừng; vẽ mình để làm hình rồng, khi lặn lội dưới nước thì giao-long không dám phạm đến; chân cong để tiện trèo cây, cày dao, đốt lửa, gieo lúa; đầu trần để khi nóng bức, ăn cau trầu để trừ ô-úế và làm cho răng đen.*

*Chu-Công hỏi :*

*- Vì sao mà đến đây ?*

*Sứ-giả thưa :*

*- Trời không gió lớn mưa dầm, biển không nổi sóng nay đã ba năm, ngờ là Trung-quốc có **thánh-nhân** nên mới sang đây. (Trích Truyện Bạch Trĩ của Lĩnh Nam Chích Quái)*

Nếu đọc lại Truyện Kiều của Nguyễn Du, thì văn hóa theo định nghĩa của Đào-Duy-Anh là *Tài* quên *Tâm*, là Kiều “đào hoa” sinh hoạt với Sở Khanh, với Thúc Sinh, với kinh kệ bên ngoài trong khuôn viên gia đình do Hoạn Thư sắp xếp, với Từ Hải ... mà quên đi một Kiều đã chết đi *Tài*, vượt lên trên *kiếp đào hoa* để tìm lại *Tâm* khi tiếp cận với Giác Duyên (= Ôn Cứu Độ) trên sông Tiền Đường.

“*Tâm, thánh nhân, thánh hiền, nhân đạo, hồn của văn hóa*” vắng bóng trong sinh hoạt văn hóa hầu như chính thức kể từ giữa thế kỷ 20 đến nay. Không phải dấu tích sinh hoạt của con người về tài trí (*homo sapiens*), về khả năng lao động chế ngự và quản lý thiên nhiên địa lý (*homo faber*), nhưng sáng kiến và hình thức hưởng dụng tài vật, những thú vui giải trí tiêu khiển (*homo ludens*) là không có chút giá trị văn hóa nào. Nhưng xin lập lại lời của Lê-Văn Siêu : “*chỉ lưu ý tới phần xác của nó lắm khi khô khan và trơ trẽn*”.

Đến đây, tôi tự hỏi làm thế nào để trả lời cho câu hỏi của anh Lê Hải đây ? Khi anh nêu lên *bản sắc văn hóa dân tộc*, thì tôi có cần tiếp tục đưa thêm một nét riêng nào đó của nếp sinh



hoạt của cộng đồng người Việt (trong muôn ngàn sinh hoạt như Đào Duy Anh gọi lên) để chủ trương sinh hoạt ấy là thiết yếu như thiên hạ thường làm hay không ?

Thêm vào đó, câu hỏi của anh Lê Hải cũng không phải chỉ giới hạn trong đề tài này, vì thế tôi xin tạm ngưng các câu hỏi liên quan để nói ngoài đề thể này : *trước khi nêu lên vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc, chúng ta đề nghị với nhau là cố lắng nghe những bậc tiến bối là phát ngôn tâm hồn văn hóa của cha ông chúng ta xem họ cảm nhận ý nghĩa của văn hóa như thế nào.*

**Lê Hải :**

*Những gì anh trình bày chỉ là một phần nhỏ từ tác phẩm đã giới thiệu mà độc giả có thể đọc thêm trên mạng [chú thích đường link], nhưng cho thấy một diễn giải vô cùng lý thú về bản văn Lĩnh Nam Chích Quái. Đa số người Việt biết đến những câu chuyện này qua phiên bản tóm tắt trong sách sử Ngô Sĩ Liên hay Trần Trọng Kim và các xuất bản của bộ giáo dục CHXHCN Việt Nam sau này với nội dung tương tự. Khi đọc lại văn bản gốc với cái nhìn minh triết thì người ta có thể chiêm nghiệm được nhiều điều mới lạ mà thực ra đã được tiên nhân nhắn gửi qua huyền thoại, cũng như anh đã nhắc ở trên về sách Sáng Thế trong Kinh Thánh của đạo Công Giáo. Phải chăng cái nhìn đó đã giúp người Công giáo Việt Nam nhìn rõ hơn vào bản sắc dân tộc của mình ? Tôi từng thấy những bà mẹ ở vùng Bùi Chu Phát Diệm kính cẩn mặc áo dài trước khi vào làm lễ thánh trong những nhà thờ với cột sơn thếp vàng, kiến trúc phong thủy, tức là nhờ có người Công giáo mà Việt Nam giữ được rất nhiều bản sắc từ quá khứ vượt qua thời gian và những biến động xã hội. Ký âm tiếng Việt mà chúng ta đang dùng đây cũng là từ các cộng đồng Công giáo ở miền Trung. Lối viết văn xuôi cũng bắt đầu từ những tác giả Công giáo như truyện Thầy Lazaro Phiền. Vậy có thể nào khái quát về cái nhìn Công giáo về Việt Nam và đóng góp của người Công giáo cho kho tàng tri thức Việt được không ?*

**Nguyễn Đăng Trúc :**

Anh Lê Hải nay muốn chuyển qua hai câu hỏi khác :

- *Cuốn Lĩnh Nam Chích Quái do Vũ Quỳnh hiệu chính và các truyện về huyền thoại Việt-Nam*
- *Vấn đề hội nhập văn hóa của người công giáo Việt-Nam*

**a/ Cuốn Lĩnh Nam Chích Quái do Vũ Quỳnh hiệu chính và các truyện về huyền thoại Việt-Nam**

Ngô Sĩ Liên và Trần Trọng Kim có nhắc đến các huyền thoại dựng nước. Và các nhà viết sử sau này cho rằng phần ngoại sử (*hay huyền thoại*) trong bộ sử của Ngô Sĩ Liên rút ra từ tác giả Vũ Quỳnh. GS Lê Hữu Mục thì cho rằng các truyện trong Lĩnh Nam Chính Quái đã được Trần Thế Pháp viết ra vào cuối đời Trần, Vũ Quỳnh chỉ có công hiệu chính mà thôi.

Theo quan điểm của tôi, Vũ Quỳnh không nói là mình sắp xếp lại các truyện rút từ sách của Trần Thế Pháp, một tác giả tiền bối của ông, nhưng chỉ nói là hiệu chính các truyện mà dân gian đã từng biết. Cho đến nay, theo kiến thức giới hạn của tôi, chúng ta không có một bản văn nào đã được tìm thấy về những câu truyện liên quan được viết ra và *được hệ thống hóa thành một kinh sách* như thế trước cuốn Lĩnh Nam Chính Quái. Như thế công

việc hiệu chỉnh của Vũ Quỳnh là vận dụng các câu truyện huyền thoại dân gian để sáng tác thành một bản văn vừa có giá trị tư tưởng, vừa được sắp xếp lại có hệ thống (một bản văn có thể so sánh với các Kinh Sách các bậc khai sinh các nền văn hóa nhân loại).

Từ việc định giá trên, việc xếp những trang viết về phần ngoại sử của Ngô Sĩ Liên và Trần Trọng Kim và nhiều tác giả khác nữa vào cùng hạn mục với cuốn Lĩnh Nam Chính Quái của Vũ Quỳnh có thể sẽ đánh lạc hướng lãnh vực nghiên cứu. Vũ Quỳnh là một sử gia, nhưng khi sáng tác cuốn Lĩnh Nam Chính Quái (nhất là quyển I), ông ta lại là một nhà tư tưởng. Cũng như Nguyễn Du sau này : khi viết truyện Kiều, Nguyễn Du ấy không chỉ là một nhà viết truyện bằng văn vần, một thi sĩ bình thường, nhưng là một nhà tư tưởng.

(Về phương pháp xếp loại các tác phẩm văn học xin đọc đoạn văn đính kèm sau đây trích trong một bài viết về *Ý Nghĩa Văn Hóa* đăng trong Tập San Định Hướng :

### ***Phương pháp tiếp cận bộ môn văn hóa***

Nếu văn hóa, tư tưởng, đạo lý... có nội dung thiết yếu là trực giác về vấn đề nhân tính, và thể hiện cuộc sống con người dưới ánh sáng của trực giác ấy, thì việc *tiếp cận bộ môn văn hóa* lại cần đáp ứng ba điều kiện căn bản này :

- ***Xác định nội dung văn hóa trong khuôn khổ của vấn đề ý nghĩa nhân tính*** : Một yếu tố hay sinh hoạt có tính cách văn hóa chỉ khi nó có tương quan trực tiếp đến nội dung thiết yếu này. Chẳng hạn khi muốn đề cập huyền thoại của dân tộc Việt Nam trong khuôn khổ văn hóa, thì huyền thoại đó phải được qui chiếu vào vấn đề khai triển ý nghĩa nhân tính; nếu không, thì việc làm này chỉ được xem là một đối tượng cho bất cứ một bộ môn nào khác mà thôi.

- Trực giác về ý nghĩa nhân tính phải được thể hiện qua một công đồng con người trong lịch sử, và phải là ***cuong thường*** hay còn gọi là ***Đại Ký Úc*** làm giềng mối hướng dẫn cuộc sống làm người của cộng đồng liên hệ. Chẳng hạn như huyền thoại dựng nước của cộng đồng người Việt (chuyện Hồng Bàng Thị, chuyện Bánh Dày Bánh Chung, Chuyện Trầu Cau... ghi lại trong tác phẩm *Lĩnh Nam Chích Quái*), chẳng hạn như truyện *Kiều* của Nguyễn Du..., những nội dung như thế đều được hầu hết người dân xem là những ký ức muôn thủa, những hứng khởi quen thuộc gây cảm hứng cho các tập tục, giao tế, sáng tác nghệ thuật .v.v. Nếu một cổ vật nào đó bất ngờ được đào bới lên, nhưng không một yếu tố nào của nó quen thuộc với tâm tư hay nếp sống người dân, thì đó chỉ là một món đồ cổ để trang trí cho vui, chứ không có chút hồn văn hóa nào.

- Điều kiện thứ ba, và cũng là điều kiện rất quan trọng giúp chúng ta tránh được những suy đoán chủ quan, những giải thích tùy hứng, thường có tính cách chính trị nhất thời hay nặng về ý hệ hơn là một lối tiếp cận có tính cách văn hóa. Điều kiện đó là ***chứng cứ hay vết tích cụ thể còn lưu lại và có thể truy cứu được***. Những chứng cứ cụ thể chẳng hạn như bản văn *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, tác phẩm *Lĩnh Nam Chích Quái* do Vũ Quỳnh hiệu chỉnh, các tập tục nghi lễ của người Việt trong năm... Về mặt tiêu cực liên quan đến điều kiện này, thế giới không quên được lỗi lầm văn hóa của Đức Quốc Xã trong thế kỷ 20, khi chế độ này nêu lên giả thuyết về chủng tộc Nhật-nhĩ-man là chủng tộc tinh tuyền và cao cả của người Đức !)

Nhưng nếu các câu truyện huyền thoại nền tảng (*les mythes fondateurs*) của dân tộc chúng ta, tự chúng, đã có giá trị văn hiến như Vũ Quỳnh đã nhận xét trong lời tựa cuốn *Lĩnh Nam Chích Quái*, thì điều chúng ta ngạc nhiên là sau khi chúng xuất hiện trong văn học vào thời đầu của hậu Lê, mấy thế kỷ tiếp theo lại không thấy giới khoa bảng hoặc sáng tác văn chương nhắc đến trong các tác phẩm của họ. Trái lại, một điều khác đáng ngạc nhiên là những câu truyện huyền thoại của chúng ta lại xuất hiện trong bút ký của các nhà truyền giáo (các tu sĩ Dòng Tên trong đoàn truyền bá đạo công giáo

đến từ Bồ-Đào Nha) vào thời hậu bán thế kỷ 17. Sự kiện đó cho thấy người dân và cuộc sống cộng đồng làng xã (mà các nhà truyền giáo ghi lại) luôn ghi khắc những giá trị văn hóa truyền thống, trong lúc đó sinh hoạt giáo dục do triều đình chủ xướng dường như chỉ lưu ý đến truyền thống văn hóa Trung Hoa để đào tạo nho sinh mà thôi....

Về phương pháp giải minh *Nghĩa* của hai từ *Nam* và *Việt* mà tôi sử dụng trong phát biểu về câu hỏi *Ý Nghĩa Tên Gọi Việt Nam*, tôi đã

- dựa trên những tiền đề về phương pháp tiếp cận bộ môn văn hóa mà tôi vừa trích ở trên ;
- dựa vào sự nhất quán cả về nội dung của tác phẩm Lĩnh Nam Chính Quái cũng như dựa vào sự nhất quán của các ký hiệu tượng trưng để trình bày phần nội dung ;
- đối chiếu với lối diễn tả cùng một nội dung văn hóa của các tác phẩm có giá trị Kinh Sách của các nền văn hóa lớn (đặc biệt là các tác phẩm văn hóa cổ Hy Lạp và các bản Thánh Kinh của Do-thái giáo và Kitô giáo), và tận dụng các phương pháp lý giải của các ngành học liên quan đến các nội dung này.

### ***b/ Vấn đề hội nhập văn hóa của người công giáo Việt Nam***

Đôi với Kitô giáo, hội nhập văn hóa không chỉ là một hiện tượng lịch sử nào bất kỳ, nhưng dựa trên nền tảng giáo lý của tôn giáo này (chẳng hạn mầu nhiệm Nhập Thể, sứ vụ truyền giáo).

Người ta có thể nhận ra sự kiện này qua lối hành văn của các bản Phúc Âm, những bản văn nền tảng của Kitô giáo vào thời khởi thủy : cùng một nội dung, nhưng mỗi tác giả của mỗi bản văn có lối trình bày khác nhau tùy theo mỗi cộng đoàn tiếp nhận (tùy địa phương, khung cảnh và tâm thức văn hóa).

Qua lịch sử, Kitô giáo trước hết đi vào vùng Địa Trung Hải. Với *hội nhập văn hóa* (diễn tả đức tin tôn giáo qua ngôn ngữ văn hóa vùng này), một vùng văn hóa mới đã được khai sinh và phát triển gọi là *La Chrétienté (Vùng văn hóa Kitô Giáo)*. Chúng ta thường có khuynh hướng đồng hóa lối sống đức tin Kitô-giáo của vùng này, của một giai đoạn lịch sử hạn chế đó với Kitô-giáo. Hẳn nhiên giai đoạn lịch sử ấy cũng như những gì mà công việc *hội nhập văn hóa* liên quan đã mang lại có những giá trị tích cực, những chứng tá sinh động và cụ thể về đức tin tôn giáo ; nhưng Kitô-giáo và cuộc sống đức tin của người công giáo, tự căn, không bao giờ bị hạn chế và nhất là đồng hóa với một kinh nghiệm *hội nhập văn hóa* nhất định nào.

Trong lịch sử đạo công giáo tại Việt Nam, các nhà truyền giáo đầu tiên vốn là người Âu Châu, nhưng họ đã thực hiện *hội nhập văn hóa* ngay khi đặt chân đến Việt-Nam. Các tín đồ công giáo Việt Nam mấy thế kỷ vừa qua cũng đã sống như vậy.

Tuy nhiên, kinh nghiệm đó không chỉ giới hạn nơi người công giáo ; các tôn giáo khác, chẳng hạn Phật giáo cũng đã đến trên đất nước chúng ta và đã hội nhập như thế. Khi đọc các truyện trong cuốn Lĩnh Nam Chính Quái, chúng ta sẽ tìm thấy vô số những bằng chứng về ngôn từ về hình ảnh, không những của Khổng Nho, mà của cả Đạo Lão và Phật giáo...

Trong tương lai, với một tinh thần khai phóng (trăm con khác nhau trong cùng một bầu thai của một bà mẹ) và khách quan, vượt lên trên những tiền kiến Tây-Ta, những thiên kiến chính trị, phe phái nhất thời ... nhiều công trình nghiên cứu sẽ giúp chúng ta nhận ra được nhiều đóng góp của các tín đồ các tôn giáo khác nhau cho nền văn hóa dân tộc. Nhưng văn hóa dân tộc có cả hiện tại và tương lai trước mắt, chứ không phải chỉ là một vài hình ảnh quá khứ.

